

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/DS-ST

Ngày: 06/7/2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

Ông Hồ Văn Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Thiều Sỹ Vững - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2015/TLST-DS, ngày 27/01/2015 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXX-DS ngày 05/6/2018, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Trụ sở tại khu đô thị A, quận T, TP Hà Nội.

Đại diện: Ông Trịnh Ngọc K, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị Tuyết M, Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng A- Chi nhánh T.

Trụ sở tại phường C, TP N, Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Đức L, Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng A- Chi nhánh T, có mặt.

Trụ sở tại phường T, TP N, Đắk Lắk.

-Bị đơn: Ông Cao Thanh T; trú tại phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Cao Hồng L, bà Trần Thị L; đều trú tại phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2. Ông Y H , bà H Ng; đều trú tại Buôn Ea K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (ông Y H ủy quyền cho bà H Ng tham gia tố tụng), vắng mặt.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Y H , bà H Ng: Ông Hồ Ngọc H- Luật sư văn phòng luật sư S, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3. Bà Phạm Thị M; Thôn A, xã Ea T, huyện Cư K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/10/2014 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 24/5/2011, ông Cao Thanh T có ký hợp đồng tín dụng số 5220-LAV-201100123 với Ngân hàng A- Chi nhánh T để vay số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), thời hạn vay 12 tháng, hạn trả vào ngày 24/5/2012 và được gia hạn đến ngày 24/5/2013, lãi suất 23%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Để đảm bảo khoản vay trên, giữa Ngân hàng, ông T và vợ chồng ông L, bà L1 đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số 185/10HĐTB, ngày 19/5/2010 với bên nhận thế chấp là Ngân hàng A- Chi nhánh T và phụ kiện hợp đồng thế chấp số 147/11, ngày 24/5/2011 đối với quyền sử dụng đất số B947084; tờ bản đồ số 31, 22; thửa đất số 8438, 5712, 5819, 5822, 5821, 5817, 5817a, 5818, do Ủy ban nhân dân huyện K (nay là huyện Cư K) cấp cho ông Y H vào ngày 14/7/1993, đã chuyển nhượng cho ông L, bà L1 theo hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ lập ngày 12/8/2009 giữa vợ chồng ông Y H , bà H Ng và vợ chồng ông Cao Hồng L, bà Trần Thị L.

Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) cho ông T. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T đã trả cho Ngân hàng được nợ gốc là 100.210.000đ (Một trăm triệu hai trăm mười nghìn đồng) và 70.277.778đ (Bảy mươi triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bảy tám đồng) tiền lãi, sau đó ông T không thanh toán cho Ngân hàng như đã thỏa thuận. Sau đó Ngân hàng có yêu cầu vợ chồng ông L, bà L1 bàn giao tài sản thế chấp để Ngân hàng bán và thu hồi nợ, ông L, bà L1 đồng ý, sau đó Ngân hàng đưa sang trung tâm bán đấu giá thì vợ chồng ông Y H , bà H Ng không đồng ý nên Ngân hàng không bán được.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết thì ông Cao Thanh T, ông Cao Hồng L, bà Trần Thị L cố tình trốn tránh không tham gia tố tụng nên ngày 16/6/2015 Ngân hàng đã làm đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Cao Thanh T, ông Cao Hồng L, bà Trần Thị L. Tại bản kết luận giám định 152/PC54, ngày 14/9/2015 của công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Đối với chữ ký và chữ viết của ông Cao Thanh T, do thời gian ký và viết cách nhau khá xa, ít mẫu nên không đủ cơ sở để kết luận giám định. Đối với chữ ký và chữ viết của ông Cao Hồng L, bà Trần Thị L trong tài liệu cần giám định và tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra, là chữ ký và viết của ông L, bà L1.

Nay Ngân hàng A yêu cầu ông Cao Thanh T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 1.836.766.956đ (Một tỷ tám trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm năm sáu đồng). Trong đó nợ gốc 899.790.000đ, lãi tạm tính đến ngày 23/4/2018 là 937.976.956đ và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 24/4/2018 cho đến khi ông T trả hết nợ theo lãi suất đã ký trong hợp đồng tín dụng.

Trong trường hợp ông T trả hết nợ thì Ngân hàng A- Chi nhánh T Bắc Đắc Lắc sẽ trả lại toàn bộ tài sản đã thế chấp. Trường hợp ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu Toà án xử lý tài sản thế chấp ghi cụ thể trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số 185/10HĐTB, ngày 19/5/2010 và phụ kiện hợp đồng thế chấp số 147/11, ngày 24/5/2011 mà các bên đã ký kết để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

-Đối với bị đơn ông Cao Thanh T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Cao Hồng L, bà Trần Thị L đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình trốn tránh không tham gia tố tụng nên Toà án không thể lấy lời khai và tiến hành hoà giải được.

Tại biên bản hoà giải ngày 15/7/2015 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L trình bày: Giữa tôi và vợ chồng ông Y H , bà H Ng có quan hệ vay mượn với nhau, vợ chồng tôi có cho vợ chồng ông Y H , bà H Ng vay số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Khi vay hai bên thoả thuận vợ chồng ông Y H , bà H Ng sang nhượng lô đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B947084; tờ bản đồ số 31, 22; thửa đất số 8438, 5712, 5819, 5822, 5821, 5817, 5817a, 5818, do Ủy ban nhân dân huyện K (nay là huyện Cư K) cấp cho ông Y H vào ngày 14/7/1993 vợ chồng tôi để hợp thức hoá cho con trai tôi Cao Thanh T vay vốn của Ngân hàng A- Chi nhánh T số tiền là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) gốc. Thực tế không có việc chuyển nhượng, chúng tôi chỉ hợp thức hóa để cùng vay vốn Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông Cao Thanh T phải trả nợ cho Ngân hàng, Trường hợp ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu Toà án xử lý tài sản thế chấp ghi cụ thể trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số 185/10HĐTB, ngày 19/5/2010 và phụ kiện hợp đồng thế chấp số 147/11, ngày 24/5/2011 mà các bên đã ký kết để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Đối với yêu cầu này của Ngân hàng tôi có ý kiến như sau: Về số nợ con trai tôi là Cao Thanh T vay thì có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng, Trường hợp ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu Toà án xử lý tài sản thế chấp ghi cụ thể trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số 185/10HĐTB, ngày 19/5/2010 và phụ kiện hợp đồng thế chấp số 147/11, ngày 24/5/2011 mà các bên đã ký kết để thu hồi nợ cho Ngân hàng thì tôi đồng ý. Tại biên bản đối chất ngày 15/7/2015 bà Trần Thị L trình bày đối với tài sản mà vợ chồng tôi đã thế chấp cho con trai Cao Thanh T vay vốn của Ngân hàng là tài sản của vợ chồng tôi, vợ chồng tôi đã nhận chuyển nhượng từ ông Y H , bà H Ng, đồng thời bà đồng ý với yêu cầu của

Ngân hàng. Tuy nhiên sau khi thông qua các biên bản thì bà L1 thay đổi lời khai nhưng không ghi rõ thay đổi như thế nào và không tham gia tố tụng nên Tòa án không lấy lời khai của bà L1 được.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H Ng trình bày tại các biên bản hoà giải như sau: Tôi có quan hệ vay mượn với vợ chồng ông Cao Hồng L, bà Trần Thị L, tôi có vay của bà L1 số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), khi vay hai bên thoả thuận lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B947084; tờ bản đồ số 31, 22; thửa đất số 8438, 5712, 5819, 5822, 5821, 5817, 5817a, 5818, do Ủy ban nhân dân huyện K (nay là huyện Cư K) cấp cho ông Y H vào ngày 14/7/1993 sang nhượng cho vợ chồng ông L, bà L1 để hợp thức hoá cho ông Cao Thanh T vay vốn của Ngân hàng A- Chi nhánh T.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Cao Thanh T phải trả nợ cho Ngân hàng, Trường hợp ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu toà án xử lý tài sản thế chấp ghi cụ thể trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số 185/10HĐTB, ngày 19/5/2010 và phụ kiện hợp đồng thế chấp số 147/11, ngày 24/5/2011 mà các bên đã ký kết để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Đối với yêu cầu này của Ngân hàng tôi có ý kiến như sau: Vợ chồng tôi có vay của ông L, bà L1 số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) thì vợ chồng tôi có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông L, bà L1 số tiền đã vay trên cùng với lãi suất. Đối với số tiền này giữa vợ chồng tôi và vợ chồng ông L, bà L1 tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp khi ông Cao Thanh T không trả được nợ thì tôi không đồng ý vì tài sản trên là tài sản của vợ chồng tôi. Đồng thời bà có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 69/01/TPTCC/SCT/HĐGD ngày 12/8/2009 giữa vợ chồng ông bà với vợ chồng ông L, bà L1 là vô hiệu đồng thời yêu cầu làm rõ vấn đề thế chấp bảo lãnh vay vốn của ông L, bà L1 cho ông T vay vốn Ngân hàng. Tuy nhiên đến ngày 20/6/2018 bà H Ng làm đơn xin rút yêu cầu trên.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M trình bày tại các biên bản hoà giải như sau: Vào ngày 17/7/2015, tôi có lập văn bản thoả thuận về việc sang nhượng lô đất của gia đình bà H Ng thửa đất số 5819 và thửa đất số 5822 tờ bản đồ số 22 với tổng diện tích 9.485m², tại xã Ea Bhók, lô đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà H Ng vào ngày 04/8/2001 với số tiền 750.000.000đ (bảy trăm năm mươi triệu đồng), tôi đã giao cho bà H Ng 520.000.000đ, còn 230.000.000đ. Văn bản hợp đồng đã được phòng công chứng huyện Cư K công chứng có mặt tất cả các thành viên trong gia đình bà H Ng ký xác nhận. Tuy nhiên hiện nay các thửa đất trên đang bị tranh chấp và bà yêu cầu vợ chồng ông Y H, bà H Ng phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng mà hai bên đã thoả thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật, bị đơn ông Cao Thanh T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Cao Hồng L, bà Trần Thị L vi phạm khoản 15 Điều 70 BLTTDS và không chấp hành triệu tập của Tòa án. Về nội dung đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Cao Thanh T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 1.836.766.956đ (Một tỷ tám trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm năm sáu đồng). Trong đó nợ gốc 899.790.000đ, lãi tạm tính đến ngày 23/4/2018 là 937.976.956đ và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 24/4/2018 cho đến khi ông T trả hết nợ theo lãi suất đã ký trong hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn HĐXX xét thấy: Vào ngày 24/5/2011, ông Cao Thanh T vay của Ngân hàng A- Chi nhánh T số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), khi vay hai bên thỏa thuận thời hạn vay 12 tháng, hạn trả vào ngày 24/5/2012 và được gia hạn đến ngày 24/5/2013, lãi suất 23%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn và hai bên có lập hợp đồng tín dụng số 5220-LAV-201100123, có chữ ký xác nhận của ông Cao Thanh T và được xác nhận bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba là bố mẹ ông T là ông L, bà L1, có chữ ký của ông L, bà L1 và ông T và có chứng thực của chính quyền địa phương. Vì vậy ông T phải chịu trách nhiệm về khoản nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng A.

Ông T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết và vi phạm thời hạn thanh toán nợ đã ký với Ngân hàng. Nay Ngân hàng A yêu cầu ông Cao Thanh T phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền 1.836.766.956đ (Một tỷ tám trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm năm sáu đồng). Trong đó nợ gốc 899.790.000đ, lãi tạm tính đến ngày 23/4/2018 là 937.976.956đ và

tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 24/4/2018 cho đến khi ông T trả hết nợ theo lãi suất đã ký trong hợp đồng tín dụng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với hợp đồng tín dụng số 5220-LAV-201100123, ngày 24/5/2011 đã ký giữa các bên, phù hợp với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số 185/10HĐTB, ngày 19/5/2010 và phụ kiện hợp đồng thế chấp số 147/11, ngày 24/5/2011 mà các bên đã ký kết và một phần phù hợp với kết luận giám định và phù hợp với các Điều 361, 369; 471; 474; 476 BLDS năm 2005 và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên cần chấp nhận.

[3] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà H Ng có yêu cầu Toà án tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 69/01/TPTCC/SCT/HĐGD ngày 12/8/2009 giữa vợ chồng ông bà với vợ chồng ông L, bà L1 là vô hiệu đồng thời yêu cầu làm rõ vấn đề thế chấp bảo lãnh vay vốn của ông L, bà L1 cho ông T vay vốn Ngân hàng. Tuy nhiên đến ngày 20/6/2018 bà H Ng làm đơn xin rút yêu cầu trên. Nên HĐXX không xem xét, cần đình chỉ đối với yêu cầu này.

[4] Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thị M với bà H Ng, thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Cư K, tỉnh Đắk Lắk và hiện nay Toà án nhân dân huyện Cư K, tỉnh Đắk Lắk đang thụ lý giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSST.

Về chi phí giám định là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), nguyên đơn Ngân hàng A- Chi nhánh T Bắc Đắk Lắk tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), được khấu trừ 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) Ngân hàng đã nộp.

Đối với tiền tạm ứng án phí yêu cầu độc lập của bà H Ng, do bà H Ng đã rút yêu cầu nên cần trả lại cho bà H Ng.

- Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 342, 361, 369; 471; 474; 476, 715, 721 BLDS năm 2005.

- Căn cứ khoản 2 Điều 27 pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A.

Buộc ông Cao Thanh T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A tổng số tiền 1.836.766.956đ (Một tỷ tám trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm năm sáu đồng). Trong đó nợ gốc 899.790.000đ, lãi tạm tính đến ngày 23/4/2018 là 937.976.956đ và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 24/4/2018 cho đến khi ông T trả hết nợ theo lãi suất đã ký trong hợp đồng tín dụng.

Trong trường hợp ông Cao Thanh T trả hết nợ thì Ngân hàng A- Chi nhánh T, tỉnh Đắk Lắk có nghĩa vụ trả lại toàn bộ tài sản đã thế chấp cho ông Cao Hồng L, bà Trần Thị L. Trường hợp ông Cao Thanh T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật được ghi cụ thể trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số 185/10HĐTB, ngày 19/5/2010 và phụ kiện hợp đồng thế chấp số 147/11, ngày 24/5/2011 mà các bên đã ký kết để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của bà H Ng yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 69/01/TPTCC/SCT/HĐGD ngày 12/8/2009 giữa vợ chồng ông bà với vợ chồng ông Cao Hồng L, bà Trần Thị L là vô hiệu.

3. Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thị M với bà H Ng, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cư K, tỉnh Đắk Lắk và hiện nay Tòa án nhân dân huyện Cư K, tỉnh Đắk Lắk đang thụ lý giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Ông Cao Thanh T phải chịu 67.103.000đ (Sáu mươi bảy triệu một trăm lẻ ba nghìn đồng) án phí DSST.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng A 27.261.800đ (Hai mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi một nghìn tám trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2012/24982, ngày 20/01/2015, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Hoàn trả cho ông Y H , bà H Ng 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2013/31658, ngày 04/6/2015, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Về chi phí giám định là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), nguyên đơn Ngân hàng A- Chi nhánh T Bắc Đắk Lắk tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), được khấu trừ 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) Ngân hàng đã nộp.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có

quyền kháng cáo án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS tỉnh, thị xã;
- THA dân sự thị xã;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Hường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đinh Thị Hương